

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|--|--|------|---|----|---|-------|--|----|---|----|--|---|--|-----|--|---|---|-----|--|----|---|-----|--|---|---|-----|--|----|---|------|--|----|---|----|--|---|--|-----|--|---|---|----|--|---|--|------|--|----|---|
| | <table border="1"> <tr><td>tiền</td><td></td><td>iê</td><td>n</td></tr> <tr><td>tuyền</td><td></td><td>yê</td><td>n</td></tr> <tr><td>xa</td><td></td><td>a</td><td></td></tr> <tr><td>xôi</td><td></td><td>ô</td><td>i</td></tr> <tr><td>yêu</td><td></td><td>yê</td><td>u</td></tr> <tr><td>bâm</td><td></td><td>â</td><td>m</td></tr> <tr><td>yêu</td><td></td><td>yê</td><td>u</td></tr> <tr><td>nước</td><td></td><td>ươ</td><td>c</td></tr> <tr><td>cả</td><td></td><td>a</td><td></td></tr> <tr><td>đôi</td><td></td><td>ô</td><td>i</td></tr> <tr><td>mẹ</td><td></td><td>e</td><td></td></tr> <tr><td>hiền</td><td></td><td>iê</td><td>n</td></tr> </table> | tiền | | iê | n | tuyền | | yê | n | xa | | a | | xôi | | ô | i | yêu | | yê | u | bâm | | â | m | yêu | | yê | u | nước | | ươ | c | cả | | a | | đôi | | ô | i | mẹ | | e | | hiền | | iê | n |
| tiền | | iê | n | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| tuyền | | yê | n | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| xa | | a | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| xôi | | ô | i | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| yêu | | yê | u | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| bâm | | â | m | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| yêu | | yê | u | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| nước | | ươ | c | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| cả | | a | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| đôi | | ô | i | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| mẹ | | e | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| hiền | | iê | n | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| <p>+ Thế nào là những tiếng bắt vần với nhau? + Tìm những tiếng bắt vần với nhau trong những câu thơ trên? - GV: Trong thơ lục bát, tiếng thứ 6 của dòng thứ 6 bắt vần với tiếng thứ 6 của dòng 8 tiếng</p> | <p>- Những tiếng bắt vần với nhau là những tiếng có vần giống nhau. - Tiếng <i>xôi</i> bắt vần với tiếng <i>đôi</i></p> | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 6. HĐ ứng dụng: (2 phút) | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| <p>- Giáo viên chốt lại những phần chính trong tiết học - Chọn một số vở học sinh viết chữ sạch đẹp không mắc lỗi cho cả lớp xem. - Nhận xét tiết học</p> | <p>- Lắng nghe - Quan sát, học tập. - Lắng nghe</p> | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 7. HĐ sáng tạo: (1 phút) | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| <p>- Dẫn HS nhớ mô hình cấu tạo vần và chuẩn bị bài sau.</p> | <p>- Lắng nghe và thực hiện.</p> | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

Toán
LUYỆN TẬP CHUNG

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

-Thực hiện các phép tính với số thập phân và giải các bài toán liên quan đến tỉ số phần trăm .

- HS làm bài tập: Bài 1, 2, 3 .

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng thực hiện các phép tính với số thập phân

3. Thái độ: Cần thận, tỉ mỉ khi tính toán

4. Năng lực:

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo,
- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học

II. CHUẨN BỊ

1. Đồ dùng

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bảng phụ.
- Học sinh: Sách giáo khoa.

2. Phương pháp và kỹ thuật dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, tia chớp, động não

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
|--|---|
| 1. Hoạt động khởi động:(5phút) | |
| <ul style="list-style-type: none"> - Cho HS hát - Cho HS làm bài: + Tìm 7% của 70 000? - GV nhận xét - Giới thiệu bài - Ghi bảng | <ul style="list-style-type: none"> - HS hát - HS làm bảng con - HS nghe - HS viết vở |
| 2. Hoạt động thực hành:(30 phút) | |
| <p>* <i>Mục tiêu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện các phép tính với số thập phân và giải các bài toán liên quan đến tỉ số phần trăm . - HS làm bài tập: Bài 1, 2, 3 . <p>* <i>Cách tiến hành:</i></p> | |
| <p>Bài 1: Cặp đôi</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc đề bài - Yêu cầu HS nêu cách chuyển hỗn số thành số thập phân. - Yêu cầu HS làm bài - GV chữa bài | <ul style="list-style-type: none"> - Viết các hỗn số sau thành số thập phân - HS trao đổi với nhau, sau đó nêu ý kiến trước lớp. <p>C1: Chuyển phần phân số của hỗn số thành phần số thập phân rồi viết số thập phân tương ứng.</p> $4\frac{1}{2} = 5\frac{5}{10} = 4,5 \quad 3\frac{4}{5} = 3\frac{8}{10} = 3,8$ $2\frac{3}{4} = 2\frac{75}{100} = 2,75 \quad 1\frac{12}{25} = 1\frac{48}{100} = 1,48$ <p>C2: Thực hiện chia tử số của phần phân số cho mẫu số.</p> <p>Vì $1 : 2 = 0,5$ nên $4\frac{1}{2} = 4,5$</p> |

| | |
|---|---|
| <p>Bài 2: Cá nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc đề bài - Yêu cầu HS làm bài. - GV gọi HS chia sẻ kết quả - GV nhận xét và yêu cầu HS nêu cách tìm thành phần chưa biết trong phép tính. <p>Bài 3: Cá nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS đọc đề bài toán. - Em hiểu thế nào là hút được 35% lượng nước trong hồ ? - GV yêu cầu HS làm bài. - GV gọi HS chia sẻ trước lớp | <p>Vì $4 : 5 = 0,8$ nên $3\frac{4}{5} = 3,8$</p> <p>Vì $3 : 4 = 0,75$ nên $2\frac{3}{4} = 2,75$</p> <p>Vì $12 : 25 = 0,48$ nên $1\frac{12}{25} = 1,48$</p> <p>- Tìm x</p> <p>- HS cả lớp làm bài vào vở sau đó chia sẻ</p> <p>a) $x \times 100 = 1,643 + 7,357$ $x \times 100 = 9$ $x = 9 : 100$ $x = 0,09$</p> <p>b) $0,16 : x = 2 - 0,4$ $0,16 : x = 1,6$ $x = 0,16 : 1,6$ $x = 0,1$</p> <p>- 1 HS đọc đề bài trước lớp, HS cả lớp đọc thầm trong SGK.</p> <p>- Nghĩa là coi lượng nước trong hồ là 100 phần thì lượng nước đã hút là 35 phần.</p> <p>-HS lên chia sẻ cách làm</p> <p>Cách 1</p> <p>Hai ngày đầu máy bơm hút được là: $35\% + 40\% = 75\%$ (lượng nước trong hồ)</p> <p>Ngày thứ ba máy bơm hút được là: $100\% - 75\% = 25\%$ (lượng nước trong hồ)</p> <p><i>Đáp số</i> : 25% lượng nước trong hồ</p> <p>Cách 2</p> <p>Sau ngày thứ nhất, lượng nước trong hồ còn lại là :</p> $100\% - 35\% = 65\%$ (lượng nước trong hồ) <p>Ngày thứ ba máy bơm hút được là :</p> $65\% - 40\% = 25\%$ (lượng nước trong hồ) <p><i>Đáp số</i> 25% lượng nước trong hồ</p> |
| <p>3.Hoạt động ứng dụng:(2 phút)</p> | |
| <p>- Cho HS vận dụng tìm x: $X : 1,25 = 15,95 - 4,79$</p> | <p>- HS làm bài $X : 1,25 = 15,95 - 4,79$ $X : 1,25 = 11,16$ $X = 11,16 \times 1,25$</p> |

| | |
|---|------------------------|
| | X = 13,95 |
| 4. Hoạt động sáng tạo:(1 phút) | |
| - Về nhà tìm hiểu rồi tính diện tích mảnh đất và ngôi nhà của mình sau đó tính tỉ lệ phần trăm diện tích của ngôi nhà và mảnh đất đó. | - HS nghe và thực hiện |

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

*Luyện từ và câu***ÔN TẬP VỀ TỪ VÀ CẤU TẠO TỪ****I. MỤC TIÊU**

1. Kiến thức: Tìm và phân loại được từ đơn, từ phức; từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa; từ đồng âm từ nhiều nghĩa theo yêu cầu của các BT trong SGK .

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng phân loại từ đơn, từ phức; từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa; từ đồng âm, từ nhiều nghĩa.

3. Thái độ: Tự tin, cẩn thận, tỉ mỉ.

4. Năng lực:

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ.

II. CHUẨN BỊ**1. Đồ dùng dạy học:**

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bảng phụ, phiếu học tập 1.
- Học sinh: Vở viết, SGK

2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, “động não”

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
|--|--|
| 1. Hoạt động khởi động:(5phút) | |
| - Cho HS hát - Cho HS nối tiếp nhau đặt câu với các từ ở bài tập 1a trang 161 - Nhận xét đánh giá - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS hát - HS tiếp nối nhau đặt câu - HS nghe - HS ghi vở |
| 2. Hoạt động thực hành:(30 phút) * <i>Mục tiêu:</i> Tìm và phân loại được từ đơn, từ phức; từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa; từ đồng âm từ nhiều nghĩa theo yêu cầu của các BT trong SGK . * <i>Cách tiến hành:</i> | |
| Bài 1: HD cá nhân - Nêu yêu cầu bài tập | - HS nêu |

| | |
|--|---|
| <p>+ Trong Tiếng Việt có các kiểu cấu tạo từ như thế nào? + Từ phức gồm những loại nào?</p> <p>- Yêu cầu HS tự làm bài - GV nhận xét kết luận</p> <p>Bài 2: HD cặp đôi - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập + Thế nào là từ đồng âm? + Thế nào là từ nhiều nghĩa? + Thế nào là từ đồng nghĩa? - Yêu cầu HS làm bài theo cặp - Gọi HS phát biểu - GV nhận xét kết luận - Nhắc HS ghi nhớ các kiến thức về nghĩa của từ</p> <p>Bài 3: HD cá nhân - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập - Yêu cầu HS tự làm bài - Gọi HS nối tiếp nhau đọc các từ đồng nghĩa, GV ghi bảng - Vì sao nhà văn lại chọn từ in đậm mà không chọn những từ đồng nghĩa với nó.</p> <p>Bài 4: HD cá nhân - Gọi HS đọc yêu cầu của bài tập - Yêu cầu HS tự làm bài tập - GV nhận xét chữa bài</p> <p>- Yêu cầu HS đọc thuộc lòng các câu thành ngữ tục ngữ.</p> | <p>+ Trong tiếng việt có các kiểu cấu tạo từ: từ đơn, từ phức. + Từ phức gồm 2 loại: từ ghép và từ láy. - HS lên chia sẻ kết quả - Nhận xét bài của bạn: + Từ đơn: hai, bước, đi, trên, cát, ánh, biển, xanh, bóng, cha, dài, bóng, con, tròn. + Từ ghép: Cha con, mặt trời, chắc nịch. + Từ láy: rục rờ, lênh khênh</p> <p>- HS nêu - Từ đồng âm là từ giống nhau về âm nhưng khác nhau về nghĩa. - Từ nhiều nghĩa là từ có một nghĩa gốc và một hay một số nghĩa chuyển. các nghĩa của từ nhiều nghĩa bao giờ cũng có mối liên hệ với nhau. - Từ đồng nghĩa là những từ cùng chỉ một sự vật, hoạt động, trạng thái hay tính chất. - 2 HS ngồi cùng bàn trao đổi, thảo luận để làm bài - Nói tiếp nhau phát biểu, bổ sung, và thống nhất :</p> <p>- HS nêu yêu cầu - HS tự làm bài - HS nối tiếp nhau đọc</p> <p>- HS trả lời theo ý hiểu của mình</p> <p>- HS nêu - HS tự làm bài, chia sẻ kết quả a) Có mới nói cũ b) Xấu gỗ, hơn tốt nước sơn c) Mạnh dùng sức, yếu dùng mưu - HS đọc thuộc lòng các câu trên</p> |
|--|---|

| | |
|---|---|
| 3. Hoạt động ứng dụng: (2 phút) | |
| - Tạo từ láy từ các từ sau: xanh, trắng, xinh | - HS nêu: xanh xanh, xanh xao, trắng trắng, trắng trẻo, xinh xinh, xinh xắn |
| 4. Hoạt động sáng tạo: (1 phút) | |
| - Về nhà viết một đoạn văn miêu tả có sử dụng một số từ láy vừa tìm được. | - HS nghe và thực hiện |

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

Địa lí
ÔN TẬP HỌC KÌ I

I. MỤC TIÊU

- Kiến thức:** Nắm được các kiến thức đã học về địa lí tự nhiên Việt Nam ở mức độ đơn giản.
- Kĩ năng:** Nêu tên và chỉ được một số dãy núi, đồng bằng, sông lớn, các đảo, quần đảo của nước ta trên bản đồ.
- Thái độ:** Chăm chỉ ôn tập
- Năng lực:**
 - Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
 - Năng lực hiểu biết cơ bản về Địa lí, năng lực tìm tòi và khám phá Địa lí, năng lực vận dụng kiến thức Địa lí vào thực tiễn

II. CHUẨN BỊ**1. Đồ dùng**

- GV:
 - + Bản đồ tự nhiên Việt Nam
 - + Bản đồ về phân bố dân cư kinh tế Việt Nam.
- HS: SGK, vở

2. Phương pháp và kĩ thuật dạy học

- PP: quan sát, thảo luận, vấn đáp, trò chơi
- Kĩ thuật đặt và trả lời câu hỏi
- Kĩ thuật trình bày 1 phút

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
|--|--|
| 1. Hoạt động khởi động: (5 phút) | |
| <ul style="list-style-type: none"> - Cho HS hát - Xác định và mô tả vị trí giới hạn của nước ta trên bản đồ. - GV nhận xét - Giới thiệu bài - ghi bảng | <ul style="list-style-type: none"> - HS hát - HS mô tả - HS nghe - HS ghi vở |
| 2. Hoạt động thực hành: (28 phút) | |
| * <i>Mục tiêu:</i> Nắm được các kiến thức đã học về địa lí tự nhiên Việt Nam ở mức | |

| | |
|---|---|
| <p>độ đơn giản. * <i>Cách tiến hành:</i></p> | |
| <p>Hoạt động 1: Làm việc cá nhân.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên phát phiếu học tập cho học sinh - Yêu cầu HS làm bài - Giáo viên sửa chữa những chỗ còn sai. <p>Hoạt động 2: Hoạt động nhóm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên cho học sinh thảo luận nhóm theo câu hỏi. <p>1. Nêu đặc điểm chính của địa hình, khí hậu, sông ngòi đất và rừng của nước ta.</p> <p>2. Nêu đặc điểm về dân số nước ta.</p> <p>3. Nêu tên 1 số cây trồng chính ở nước ta? Cây nào được trồng nhiều nhất?</p> <p>4. Các ngành công nghiệp nước ta phân bố ở đâu?</p> <p>5. Nước ta có những loại hình giao thông vận tải nào?</p> <p>6. Kể tên các sân bay quốc tế của nước ta?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên gọi các nhóm trình bày. - Nhận xét bổ xung. | <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh tô màu vào lược đồ để xác định giới hạn phần đất liền của Việt Nam. - Điền tên: Trung Quốc, Lào, Căm-pu-chia, Biển Đông, Hoàng Sa, Trường Sa và lược đồ. <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh thảo luận nhóm trình bày kết quả. + Địa hình: 3/4 diện tích phần đất liền là đồi núi và 1/4 diện tích phần đất liền là đồng bằng. + Khí hậu: Có khí hậu nhiệt đới gió mùa, nhiệt độ cao, gió mùa thay đổi theo mùa. + Sông ngòi: có nhiều sông nhưng ít sông lớn, có lượng nước thay đổi theo mùa. + Đất: có hai loại đó là đất phe ra lít và đất phù sa. + Rừng: có rừng rậm nhiệt đới và rừng ngập mặn. - Nước ta có số dân đông đứng thứ 3 trong các nước ở Đông Nam Á và là 1 trong những nước đông dân trên thế giới. - Cây lúa, cây ăn quả, cây công nghiệp như cà phê, cao su, ... trong đó cây trồng chính là cây lúa. - Các ngành công nghiệp của nước ta phân bố chủ yếu ở các vùng đồng bằng và ven biển. - Đường ô tô, đường biển, đường hàng không, đường sắt, ... - Sân bay Nội Bài, sân bay Đà Nẵng, sân bay Tân Sơn Nhất. |
| <p>3. Hoạt động ứng dụng: (2 phút)</p> | |
| <ul style="list-style-type: none"> - Địa hình, khí hậu nước ta có những thuận lợi, khó khăn gì cho sự phát triển của ngành nông nghiệp ? | <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu |

| | |
|--|------------------------|
| 4. Hoạt động sáng tạo: (1 phút) | |
| - Tìm hiểu một số cây trồng chính ở địa phương em. | - HS nghe và thực hiện |

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

.....

Thứ tư ngày 26 tháng 12 năm 2018

Kể chuyện

KỂ CHUYỆN ĐÃ NGHE ĐÃ ĐỌC

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Chọn được một truyện nói về những người biết sống đẹp, biết mang lại niềm vui, hạnh phúc cho người khác và kể lại được rõ ràng, đủ ý, biết trao đổi về nội dung, ý nghĩa câu chuyện .

- HS (M3,4) tìm được truyện ngoài SGK; kể chuyện một cách tự nhiên sinh động.

2. Kỹ năng: Kể lại được rõ ràng, đủ ý, biết trao đổi về nội dung, ý nghĩa câu chuyện.

3. Thái độ: Trao đổi về nội dung, ý nghĩa câu chuyện.

*GDBVMT: Khai thác gián tiếp nội dung bài. GV gợi ý HS chọn kể những câu chuyện nói về tấm gương con người biết bảo vệ môi trường (trồng cây gây rừng, quét dọn vệ sinh đường phố,...), chống lại những hành vi phá hoại môi trường (phá rừng, đốt rừng) để giữ gìn cuộc sống bình yên, đem lại niềm vui cho người khác.

4. Năng lực:

- **Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.**

- **Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ.**

II. CHUẨN BỊ

1. Đồ dùng

- Giáo viên: SGK, bảng phụ, một số sách, truyện, báo liên quan.

- Học sinh: Sách giáo khoa, vở viết

2. Phương pháp và kỹ thuật dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thảo luận nhóm, thực hành.

- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, “động não”

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
|--|---|
| 1. Hoạt động Khởi động (5') | |
| - Cho HS thi kể về một buổi sum họp đầm ấm trong gia đình. - GV nhận xét - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS thi kể - HS nghe - HS ghi vở |
| 2. Hoạt động tìm hiểu, lựa chọn câu chuyện phù hợp với yêu cầu tiết học: (8') * <i>Mục tiêu:</i> Chọn được một truyện nói về những người biết sống đẹp, biết mang lại niềm vui, hạnh phúc cho người khác và kể lại được rõ ràng, đủ ý, biết trao đổi về nội dung, ý nghĩa câu chuyện . | |

| | |
|---|---|
| * <i>Cách tiến hành:</i> | |
| <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên chép đề lên bảng. Đề bài: Hãy kể một <u>câu chuyện</u> em <u>đã nghe</u> hay <u>đã đọc</u> về những người <u>biết sống đẹp</u>, biết mang lại <u>niềm vui</u>, <u>hạnh phúc</u> cho người khác. - Gọi HS đọc đề bài - Đề yêu cầu làm gì? - Giáo viên gạch chân những từ ngữ quan trọng trong đề. - Yêu cầu HS đọc gợi ý SGK - Kể tên những nhân vật biết sống đẹp trong các câu chuyện các em đã học? - Tìm câu chuyện ở đâu? - Giáo viên kiểm tra việc học sinh tìm truyện. | <ul style="list-style-type: none"> - HS theo dõi - HS đọc - HS trả lời. - 3 HS nối tiếp nhau đọc + Na các bạn HS và cô giáo trong truyện Phần thưởng(Tiếng Việt 2 tập 1) + Hai chị em Xô- phi, Mác và nhà ảo thuật trong truyện Nhà ảo thuật (Tiếng Việt 3 tập 2) + Những nhân vật trong câu chuyện Chuỗi ngọc lam. - Được nghe kể, đọc trong sách, báo. - Một số học sinh giới thiệu câu chuyện mình sẽ kể. |
| 3. Hoạt động thực hành kể chuyện:(21 phút) | |
| * <i>Mục tiêu:</i> Rèn kĩ năng kể chuyện và nhận xét người kể. | |
| * <i>Cách tiến hành:</i> | |
| <ul style="list-style-type: none"> - Y/c HS luyện kể theo nhóm đôi - Thi kể trước lớp - Cho HS bình chọn người kể hay nhất - Trao đổi về ý nghĩa câu chuyện - Nhận xét. | <ul style="list-style-type: none"> - HS kể theo cặp - Thi kể chuyện trước lớp - Bình chọn bạn kể chuyện tự nhiên nhất, bạn có câu hỏi hay nhất, bạn có câu chuyện hay nhất. - Trao đổi và nói ý nghĩa câu chuyện mình kể. |
| 3. Hoạt động ứng dụng (2') | |
| <ul style="list-style-type: none"> - Em đã làm gì để mang lại niềm vui cho mọi người xung quanh ? | <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu |
| 4. Hoạt động sáng tạo: (1 phút) | |
| <ul style="list-style-type: none"> - Về nhà kể lại câu chuyện cho người thân nghe. Chuẩn bị tiết kể chuyện tuần sau - Nhận xét tiết học, biểu dương | <ul style="list-style-type: none"> - HS nghe và thực hiện - HS nghe |

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....